

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM- PT

Ngày: 10- 01- 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy;

Bà Lê Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2018/TLPT- KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2018 về: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Do có kháng cáo đối với bản án số 17/2018/KDTM- ST ngày 31- 8- 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXPT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 02 H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình L- Giám đốc Phòng Giao dịch C- Ngân hàng N- Chi nhánh Sầm Sơn Thanh Hóa (theo Quyết định ủy quyền số 98//UQ- NHHo- SS ngày 02/8/2018); Có mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H- Sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố M, phường T, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Xuân L- Sinh năm 1974;

Nơi cư trú cuối cùng: Số 06 T, phường H, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (Nay là số nhà 56 đường D, phường H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M- Sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà 42 ngõ 24 đường B, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú cuối cùng: Số 06 T, phường H, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Nay là số nhà 56 Đường D, phường H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N Nam trình bày:

Ngày 25/10/2010, Ngân hàng N- Chi nhánh Thanh Hóa- Phòng giao dịch Môi (gọi tắt là Ngân hàng Nông nghiệp) và bà Đỗ Thị H ký kết Hợp đồng tín dụng số 3500LAV20/004417. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho bà Đỗ Thị H vay số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng). Mục đích vay: Kinh doanh vải, quần áo may sẵn. Thời hạn vay: 12 tháng hoặc thời hạn của hạn mức tín dụng: 06 tháng, tính từ ngày 25/10/2010. Ngày nhận tiền vay lần đầu là 29/10/2010. Lãi suất cho vay bằng 1,80% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố ở từng thời kỳ. Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 1,2%/ tháng, 14,4%/năm. Hợp đồng còn quy định về lãi suất nợ quá hạn, phương pháp trả tiền lãi và quy định quyền, nghĩa vụ của các bên. Ngân hàng đã cho bà Đỗ Thị H vay số tiền 900.000.000đ, thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 14/10/2011 với hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13/4/2012 và giấy nhận nợ ngày 30/11/2011 với hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/5/2012.

Để đảm bảo cho khoản nợ trên, các bên đã ký kết các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 394/HĐBĐ ngày 04/11/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (200m²) tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03 và tài sản gắn liền với đất tại V, xã Đ, huyện Quảng Xương (Nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AC 089057 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương cấp ngày 25/10/2005 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị B.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 321/HĐBĐ ngày 20/10/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (50m² đất ở) tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 tại Thôn 3, phường H, thành phố Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 961459

do Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2010 mang tên ông Đỗ Xuân L và bà Nguyễn Thị M.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 320/HĐBĐ ngày 20/10/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (115m², gồm: đất ở 60m², đất vườn: 55 m²) tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 02 tại Thôn 3, phường H, thành phố Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AG 502517 do Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa cấp ngày 17/11/2006 mang tên ông Đỗ Xuân Long và bà Nguyễn Thị Mai.

Trong số tiền 900.000.000đ này, có 300.000.000 đồng do được nhờ vay, bà H đưa cho Đỗ Khánh T là phụ trách Chi nhánh Ngân hàng lúc ấy, sau đó bị xử lý hình sự. Đỗ Khánh T đưa cho ông Nguyễn Văn T vay 50.000.000đ, còn lại 250.000.000đ Đỗ Khánh T chiếm đoạt. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 160/2014/HSPT ngày 28/3/2014 của Tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại Hà Nội đã tuyên buộc Đỗ Khánh T phải bồi thường cho Ngân hàng N số tiền 250.000.000đ. Số tiền còn lại của lần nhận nợ này 50.000.000đ ông Nguyễn Văn Tiếp phải chịu trách nhiệm trả nợ tiền gốc và lãi cho ngân hàng để được xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (200m²) tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 03 và tài sản gắn liền với đất tại V, xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AC 089057 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương cấp ngày 25/10/2005 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị B, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 394/HĐBĐ ngày 04/11/2010.

Như vậy, bà Đỗ thị H chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 600.000.000đ.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị H phải thanh toán số tiền gốc 600.000.000đ và tiền lãi (tính đến ngày xét xử (31/8/2018) là: 1.097.309.822đ (lãi trong hạn: 744.389.957đ, lãi quá hạn: 352.919.865đ). Tổng nợ gốc và lãi là 1.697.309.822đ. Đề nghị xử lý 02 tài sản đảm bảo để thu hồi nợ của ông Đỗ Xuân L và bà Nguyễn Thị M theo các Hợp đồng thế chấp số 320/HĐBĐ ngày 20/10/2010; Số 321/HĐBĐ ngày 20/10/2010.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H thừa nhận việc ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 3500LAV20/004417 ngày 25/10/2012. Ngân hàng đã cho bà vay số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) với mục đích kinh doanh như đã nêu trên. Bà H cũng thống nhất các Hợp đồng thế chấp tài sản, số tiền gốc còn nợ của Ngân hàng là 600.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Sau khi vay tiền, bà H đã chuyển số tiền 600.000.000đ cho ông Đỗ Xuân L và bà Nguyễn Thị M kinh doanh. Do làm ăn thua lỗ nên hiện nay bà H không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Bà H đã đề nghị xử lý tài sản thế chấp, nhưng Ngân hàng không thực hiện để kéo dài đến

nay mới khởi kiện yêu cầu trả nợ là thiếu trách nhiệm, làm tăng lãi xuất. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án số 17/2018/KDTM- ST ngày 31- 08- 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xử:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Đỗ Thị H trả cho Ngân hàng N khoản tiền vay còn nợ tính đến đến ngày xét xử (31/8/2018) gồm: nợ gốc 600.000.000đ, nợ lãi: 1.097.309.822đ (trong đó lãi trong hạn: 744.389.957đ, lãi quá hạn: 352.919.865đ). Tổng nợ gốc và lãi là 1.697.309.822đ. (Một tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu ba trăm lẻ chín ngàn tám trăm hai mươi hai đồng). Bà Đỗ Thị H tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Ngân hàng N có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất (50m² đất ở) tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02 tại Thôn 3, phường H, thành phố Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 961459 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2010 mang tên ông Đỗ Xuân L và bà Nguyễn Thị M, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 321/HĐBĐ ngày 20/10/2010.

- Quyền sử dụng đất (115m², gồm: đất ở 60m², đất vườn: 55 m²) tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 02 tại Thôn 3, phường H, thành phố Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AG 502517 do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 17/11/2006 mang tên ông Đỗ Xuân L và bà Nguyễn Thị M, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 320/HĐBĐ ngày 20/10/2010.

Ngoài ra, bản sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 19- 9- 2018, bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo với nội dung:

- Nội dung Hợp đồng và cách thức thực hiện hợp đồng luôn có lợi cho Ngân hàng, bất lợi cho người vay.

- Khi thấy bên vay mất khả năng thanh toán, người thế chấp tài sản đã đồng ý, nhưng Ngân hàng không xử lý ngay, mà kéo dài thời gian để tính lãi.

- Tòa án sơ thẩm xử không công bằng, chỉ nói về trách nhiệm, nghĩa vụ của bên vay, không đề cập đến trách nhiệm bên cho vay. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bảo đảm quyền lợi cho người vay.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà H không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của các thẩm phán và thư ký tòa án đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm đúng phân, thực hiện phiên tòa đảm bảo đúng nguyên tắc, phạm vi xét xử.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Bác kháng cáo của bà Đỗ Thị H. Giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số 17/2018/KDTM- ST ngày 31/8/2018 về “ Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” của TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, đương sự kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H gửi trong thời hạn luật định, hợp lệ được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] . Ngân hàng N, Phòng Giao dịch C- Chi nhánh Sầm Sơn Thanh Hóa và bà Đỗ Thị H có quan hệ về Hợp đồng tín dụng vay tiền. Do bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng, Ngân hàng N đã khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xử buộc bà H trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo qui định.

[3]. Xét các nội dung kháng cáo của bà Huyền:

- Hợp đồng tín dụng số 3500LAV20/004417 ngày 25/10/2010 giữa Ngân hàng N và bà Đỗ Thị H về mức vay cao nhất 900.000.000 được ký kết với nội dung, hình thức và trình tự thủ tục theo đúng qui định của pháp luật, hoàn toàn do hai bên tự nguyện. Đến nay, bà H vẫn chưa trả nợ gốc và lãi, Ngân hàng cũng chưa áp dụng biện pháp nào đòi nợ, không có biểu hiện hoặc hành vi không đúng đối với bà Huyền.

Như vậy, kháng cáo của bà H cho rằng nội dung hợp đồng, việc thực hiện hợp đồng của Ngân hàng gây bất lợi cho người vay là không có căn cứ.

- Bà H đã xin khất hoãn nợ, khi quá thời hạn Ngân hàng đã nhiều lần đòi nợ, đến nay bà H thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ. Người thế chấp tài sản bảo đảm nghĩa vụ cho bà H là ông Đỗ Xuân L và bà Nguyễn Thị M đã bỏ đi không có mặt ở địa phương. Do đó, việc đòi nợ, xử lý tài sản thế chấp để trừ nợ gặp khó khăn không phải do Ngân hàng thiếu trách nhiệm. Bà H cho rằng Ngân hàng không xử lý thu nợ ngay, kéo dài để tính lãi xuất là không đúng.

- Bà H là bên vay trong Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, đến nay chưa trả nợ đương nhiên là người đang có nghĩa vụ trong hợp đồng này. Ngân hàng là bên cho vay đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nay là người có quyền đòi nợ trong hợp đồng. Quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp là do tự nguyện thỏa thuận ký kết, được pháp luật qui định. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện nghiêm các qui định về tố tụng, không có khiếu nại hoặc tố cáo. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là đúng với nghĩa vụ của người vay tiền, đúng qui định pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không công bằng hoặc không đảm bảo quyền lợi của bà Huyền.

[4]. Các nội dung của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[5]. Bà H kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Điều 293 BLTTDS; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/KDTM- ST ngày 31- 08- 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa về buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Đỗ Thị H trả cho Ngân hàng N khoản tiền vay còn nợ tính đến đến ngày xét xử (31/8/2018) gồm: Nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, nợ lãi: 1.097.309.822 (Một tỷ không trăm chín bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm hai hai) đồng (Trong đó lãi trong hạn: 744.389.957 đồng, lãi quá hạn: 352.919.865 đồng).

Tổng nợ gốc và lãi là 1.697.309.822đ. (Một tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm hai mươi hai đồng). Bà Đỗ Thị H tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Áp dụng khoản 1 Điều 148 BLTTDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0006516 ngày 03/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Văn